

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út;
- Ông Trần Văn Cường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Ngọc Á, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An, hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy, tỉnh Long An, địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông Á tổ chức đám cưới ngày 15/6/2016. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện, có tìm hiểu nhau 01 năm. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2016 ngày 07/6/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Á không lo làm để chăm lo cho gia đình, ông Á sử dụng ma túy, nghiện ma túy từ năm 2016. Bà T nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông Á nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Á.

Về con chung: Vợ chồng bà **T** 01 con chung tên **Hồ Ngọc Hữu Đ**, sinh ngày 12/10/2017. Hiện nay cháu **Đ** đang do bà **T** nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Đ** và không yêu cầu ông **Á** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông **Đặng Anh Á1** trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024 như sau: Ông **Á1** đồng ý ly hôn với bà **T**. Ông **Á1** thống nhất xác định có 01 con chung tên **Hồ Ngọc Hữu Đ**, ông **Á1** đồng ý để cho bà **T** nuôi dưỡng, ông **Á1** không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, ông **Á1** đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy Long An nên yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 35, 39, 97, 98, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đảm bảo theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T**.

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** được ly hôn với ông **Hồ Ngọc Á**.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên **Hồ Ngọc Hữu Đ**, sinh ngày 12/10/2017 cho bà **T** nuôi dưỡng. Ông **Á** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Hồ Ngọc Á** có nơi đăng ký thường trú tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông **Hồ Ngọc Á** có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông **Á**.

[2] Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Hồ Ngọc Á** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2016 nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà **T**, nguyên nhân mâu thuẫn do ông **Á** không lo làm để chăm lo cho gia đình, ông **Á** còn nghiện ma túy. Còn về phía ông **Á**, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024, ông **Á** cũng đồng ý ly hôn với bà **T**. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng **T** giữa bà **T** và ông **Á** không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T** đối với ông **Á**.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Hồ Ngọc Hữu Đ**, sinh ngày 12/10/2017, hiện nay cháu **Đ** do bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu **Đ** và ông **Á** cũng đồng ý giao con chung cho bà **T** nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho cháu **Đ** cho bà **T** nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** và ông **Á** đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà **T** chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T** về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông **Hồ Ngọc Á**.

1. Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** được ly hôn với ông **Hồ Ngọc Á**.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà **Nguyễn Thị Thanh T** nuôi dưỡng 01 người con chung tên **Hồ Ngọc Hữu Đ**, sinh ngày 12/10/2017. Ông **Hồ Ngọc Á** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp theo biên lai thu số

0012127 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đước sang án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- THADS huyện Cần Đước;
- UBND xã Phước Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân